TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Bình Triệu
2. Bà Nguyễn Hằng Ny

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H; địa chỉ cư trú: khóm 3, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Quốc N; địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ng; địa chỉ cư trú trước đây: ấp C, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; địa chỉ cư trú hiện nay: khóm 3, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.2. Ông Lý S; địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Quốc N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 năm nay.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là cháu Ngô Thị Bảo N – sinh ngày 13/8/2003 và cháu Ngô Gia B - sinh ngày 24/9/2004, hiện chị đang nuôi dạy các cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản gồm số tiền 86.100.000 đồng hiện do bà Nguyễn Thị Ng đang giữ, 05 chỉ vàng 24k hiện chị đang quản lý và 10 chỉ vàng 24k cố đất của ông Lý S chưa đến hạn chuộc.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N. Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu N và cháu B, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị yêu cầu bà Ng trả lại số tiền đang giữ 86.100.000 đồng, yêu cầu chia đôi số tiền bà Ng trả và 05 chỉ vàng 24k hiện chị đang quản lý. Riêng 10 chỉ vàng 24k cố đất của ông S đến ngày 27/3/2018 mới đến hạn chuộc lại đất và thanh toán vàng cố đất nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Quốc N trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Ngọc H về vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Nay anh thống nhất ly hôn với chị H. Về con chung anh đồng ý để cho chị H được tiếp tục nuôi dạy cháu N và cháu B, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh yêu cầu bà Ng trả lại số tiền đang giữ 86.100.000 đồng, yêu cầu chia đôi số tiền bà Ng trả và 05 chỉ vàng 24k hiện chị H đang quản lý. Riêng 10 chỉ vàng 24k cố đất của ông S đến ngày 27/3/2018 mới đến hạn chuộc lại đất và thanh toán vàng cố đất nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung là không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2017, bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Bà thừa nhận đang quản lý số tiền 86.100.000 đồng là tài sản chung của chị H và anh N. Nay bà thống nhất trả lại số tiền trên cho anh N và chị H để phân chia theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng và đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến như sau:

Chị Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ng vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày, không ai có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa chị H và anh N là vợ chồng; về con chung giao cháu N và cháu B cho chị H được tiếp tục nuôi dạy, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung buộc bà Ng trả lại cho chị H và anh N số tiền 86.100.000 đồng, chia số tiền bà Ng trả và 05 chỉ vàng 24k chị H đang quản lý để chị H và anh N mỗi người được nhận ½ tài sản; đối với 10 chỉ vàng 24k cố đất của ông S đến ngày 27/3/2018 mới đến hạn chuộc lại đất và thanh toán vàng cố đất, chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; về nợ chung của chị H và anh N là không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ, nhưng bị đơn là anh N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N và ông S.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Quốc N chung sống với nhau từ năm 2002, từ khi chung sống đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Do quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và phân chia tài sản chung.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

Về hôn nhân: Chị H và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, kể từ khi chung sống đến nay tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, nên về hôn nhân của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận vợ chồng. Do đó, yêu cầu của chị H về việc ly hôn đối với anh N, không công nhận mối quan hệ giữa anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là cháu Ngô Thị Bảo N – sinh ngày 13/8/2003 và cháu Ngô Gia B - sinh ngày 24/9/2004. Xét thấy, cháu N và cháu B là người chưa thành niên, hiện chị H trực tiếp nuôi dạy các cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của các cháu đã ổn định, anh N cũng thống nhất để cho chị H nuôi dạy các cháu, đồng thời các cháu đều có nguyện vọng được chung sống với chị H, do đó giao cháu N và cháu B cho chị H tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N và cháu B mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị H và anh N cho rằng hai người có các tài sản gồm số tiền 86.100.000 đồng bà Ng đang giữ và 05 chỉ vàng 24k chị H đang quản lý, anh chị yêu cầu bà Ng trả lại số tiền trên, yêu cầu chia đôi số tiền bà Ng trả và 05 chỉ vàng 24k chị H đang quản lý. Bà Ng cũng thừa nhận đang giữ số tiền như chị H và anh N trình bày và đồng ý trả lại cho anh N và chị H để phân chia. Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận chị H và anh N có các tài sản chung là số tiền 86.100.000 đồng bà Ng đang giữ và 05 chỉ vàng 24k Chị H đang quản lý, đây là tài sản chung do chị H và anh N tạo lập mà có, nên phân chia cho chị H và anh N mỗi người được nhận ½ trong khối tài sản nói trên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Hiện bà Ng đang giữ số tiền 86.100.000 đồng nên bà Ng có nghĩa vụ thanh toán cho chị H và anh N mỗi người với số tiền là 43.050.000 đồng, chị H đang quản lý 05 chỉ vàng 24k nên chị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh N 2,5 chỉ vàng 24k, chị H được tiếp tục quản lý 2,5 chỉ vàng 24k.

Đối với 10 chỉ vàng 24k cố đất của ông S đến ngày 27/3/2018 mới đến hạn chuộc lại đất và thanh toán vàng cố đất, chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng và án phí có giá 5% đối với số tài sản được chia là 2.597.500 đồng, tổng cộng án phí là 2.897.500 đồng. Ngày 07/6/2017, chị H nộp tạm ứng án phí số tiền 1.750.000 đồng được đối trừ, chị H còn phải nộp tiếp án phí là 1.147.500 đồng.

Anh N phải chịu án phí có giá 5% đối với số tài sản được chia là 2.597.500 đồng. Ngày 11/5/2017, anh N nộp tạm ứng án phí số tiền 2.152.000 đồng được đối trừ, anh N còn phải nộp tiếp án phí là 445.500 đồng.

Bà Ng phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền phải trả là 4.305.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H đối với anh Ngô Quốc N.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Quốc N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Bảo N – sinh ngày 13/8/2003 và cháu Ngô Gia B - sinh ngày 24/9/2004 cho chị Nguyễn Ngọc H tiếp tục nuôi dạy. Anh Ngô Quốc N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Ngô Quốc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Buộc bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Quốc N mỗi người với số tiền 43.050.000 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm năm chục ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, chị H và anh N có đơn yêu cầu thi hành án, bà Ng chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc chị Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Ngô Quốc N 2,5 chỉ vàng 24k, chị Nguyễn Ngọc H được tiếp tục quản lý 2,5 chỉ vàng 24k.

Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng và án phí tài sản được chia là 2.597.500 đồng, tổng cộng án phí là 2.897.500 đồng. Ngày 07/6/2017, chị H nộp tạm ứng án phí số tiền 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0018628 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thời Bình được đối trừ, chị H còn phải nộp tiếp án phí là 1.147.500 đồng.

Anh N phải chịu án phí tài sản được chia là 2.597.500 đồng. Ngày 11/5/2017, anh N nộp tạm ứng án phí số tiền 2.152.000 đồng theo biên lai thu số 0018577 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thời Bình được đối trừ, anh N còn phải nộp tiếp án phí là 445.500 đồng.

Bà Ng phải chịu án phí đối với số tiền phải trả là 4.305.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Quốc N và ông Lý S vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt